

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 08

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 TỐ: 002

Ngày thi: 27/06/2022

Giờ: 07:30

Phòng thi: D5-28

C. Quyen

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.OT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120701	NGUYỄN THỊ CẨM	29/05/2002	CCQ2012N		1	Camnhan	8.2	8.5	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120120431	LÊ TRUNG	09/05/2002	CCQ2012M		1	Trung	8.2	7.0	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120120058	PHÙNG YẾN	04/08/2002	CCQ2012B		1	Phung	7.6	6.5	6.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120120134	LÊ DUY TỐ	21/06/2002	CCQ2012D		1	Dauh	8.4	6.0	6.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120112	NGUYỄN THỊ PHU	13/10/2002	CCQ2012G				0.0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120200051	NGUYỄN HỮU	26/12/2002	CCQ2020B		1	Hu	7.6	8.0	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120120597	VÕ THỊ MỸ	05/10/2002	CCQ2012Q		1	Myung	6.6	5.5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120200022	HỒ HUY	06/04/2000	CCQ2020A		1	Huy	7.4	7.0	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120200020	LƯƠNG DIỄM THỦY	10/05/2002	CCQ2020A		1	Thuy	7.9	9.0	8.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120200019	NGUYỄN THỊ BÍCH	22/09/2002	CCQ2020A		1	Bich	7.6	9.0	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120120622	NGUYỄN THỊ THU	09/03/2002	CCQ2012R		1	Thuy	8.2	9.0	8.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120200021	TRƯƠNG THỊ TRÚC	08/03/2002	CCQ2020A		1	Truc	7.6	8.5	8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120260127	KHUẤT THỊ	15/02/2002	CCQ2012Q		1	Phuong	5.8	6.5	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120200023	TRẦN THỊ	20/02/2002	CCQ2020A		1	Phu	8.1	5.5	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120120229	LÊ THỊ	04/04/2002	CCQ2012G				0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120100692	NGUYỄN THỊ NHƯ	19/04/2002	CCQ2012Q				0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120100160	PHAN THỊ XUÂN	15/05/2002	CCQ2012G		1	Xuan	8.0	8.0	8.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120120200	NGUYỄN DUY	09/07/2002	CCQ2012F		1	Duy	7.6	4.0	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120120092	LÊ THỊ KIM	28/01/2002	CCQ2012C		1	Kim	7.6	5.5	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120120062	BÙI THỊ THẠCH	25/10/2002	CCQ2012B		1	Thao	7.6	7.5	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 08
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 TỐ: 002
Ngày thi: 27/06/2022 Giờ: 07:30
Phòng thi: D5-28

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số từ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Biếm HP	Tổ đảm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đảm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120120725	ĐƯƠNG THỊ PHƯƠNG	10/05/2002	CCQ2012K				0			● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
22	2120120676	ĐOÀN THU	31/10/2002	CCQ2012K		1	<i>Thu</i>	6.8	5.5	6.0	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
23	2120120095	PHẠM THỊ	25/10/2002	CCQ2012C		1	<i>Phạm</i>	7.2	8.0	7.7	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
24	2120120727	MAI THỊ	11/06/2002	CCQ2012R		1	<i>Mai</i>	7.0	8.0	8.2	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
25	2120120698	LÊ ĐO MINH	08/06/2002	CCQ2012M		1	<i>Minh</i>	7.8	8.6	6.7	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
26	2120120027	NGUYỄN ANH	20/01/2002	CCQ2012A		1	<i>Anh</i>	7.6	8.5	8.1	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
27	2120120028	TRẦN THỊ HOÀI	10/01/2002	CCQ2012A		1	<i>Hoài</i>	7.6	7.5	7.5	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
28	2120120377	HÀ TRUNG	30/05/2002	CCQ2012K		1	<i>Trung</i>	7.2	8.0	4.1	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
29	2120120722	TRƯƠNG ĐUY	09/07/2002	CCQ2012Q				0			● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
30	2120100360	TRẦN THỊ THÙY	12/08/2002	CCQ2012Q		1	<i>Thuy</i>	7.7	7.0	7.3	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
31	2120120677	LÊ THỊ HUỖN	15/09/2002	CCQ2012K		1	<i>Huyn</i>	6.8	7.0	6.9	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
32	2120200337	LÊ THỊ THANH	30/08/2002	CCQ2020I		1	<i>Thanh</i>	7.4	9.0	8.3	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
33	2120170071	TRẦN QUỐC	29/12/2002	CCQ2012Q				0			● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
34	2120120637	VÕ THỊ NGOC	25/03/2002	CCQ2012C		1	<i>Ngoc</i>	8.1	9.5	8.9	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
35	2120200363	DƯƠNG HUỖNH THẾ	20/05/2002	CCQ2020J		1	<i>Thế</i>	8.2	6.0	6.9	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
36	2120120104	NGUYỄN THỊ CẨM	04/11/2002	CCQ2012C		1	<i>Cam</i>	7.7	4.0	5.5	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
37	2120120562	PHAN THỊ TƯỜNG	15/04/2002	CCQ2020I		1	<i>Tuong</i>	8.1	9.0	8.6	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)
38	2120120703	TRẦN THỊ NHƯ	14/11/2002	CCQ2012N		1	<i>Nhu</i>	7.3	8.5	8.0	● (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	0 (1) 2 (3) 4 (5) 6 (7) 8 (9)

*SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 08

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 TỐ: 001

Ngày thi: 27/06/2022 Giờ: 07:30

Phòng thi: D6-36

C. Quyên

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120106	BUI THỊ THÚY	AN	26/07/2002	CCQ2012D			8.4	8.5	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	2120120609	NGUYỄN HOÀNG ANH	ANH	30/08/2002	CCQ2012R			7.9	7.0	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	2119200241	HUỖNH CHÍ	CƯỜNG	12/02/1999	CCQ1920H			6.7	5.0	5.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	2120120317	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	13/01/2002	CCQ2020I			8.2	5.5	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	2120200003	ĐỖ THỊ THANH	DUNG	25/02/2000	CCQ2020A			7.9	7.0	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	2120200280	NGUYỄN THỊ	DUYỀN	28/04/2002	CCQ2020A			8.1	4.0	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	2120200299	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYỀN	13/05/2002	CCQ2020I			8.7	8.5	8.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	2120200037	TRẦN NGỌC KIỀU	DUYỀN	29/10/2002	CCQ2020B			7.6	8.0	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	2120120715	LÊ THỊ THUY	DƯƠNG	17/07/2002	CCQ2012Q			7.0	7.5	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	2120120147	PHẠM THỊ TRÚC	GIANG	01/05/2002	CCQ2012E			6.6	9.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	2120200301	PHẠM THỊ NGỌC	HÀ	01/03/2002	CCQ2020I			8.1	7.0	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	2120120590	NGUYỄN THỊ	HÀNH	03/08/2002	CCQ2012Q			6.3	6.0	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	2120120359	HUỖNH CÔNG	HẦU	14/07/1999	CCQ2012K			6.4	8.5	7.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	2120120075	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	15/10/2002	CCQ2012C			8.4	9.0	8.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	2120200005	UNG HOÀNG	HIẾU	05/05/2002	CCQ2020A			7.8	6.5	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	2120120077	PHẠM THỊ	HỒNG	02/02/2002	CCQ2012C			7.6	6.0	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	2120120617	MAI THỊ	HUẾ	06/02/2002	CCQ2012R			7.0	6.0	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	2120120496	TRẦN DINH	HÙNG	02/07/2002	CCQ2012O			7.7	9.0	8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	2120120362	NGUYỄN PHAN ZON	HUY	22/11/2002	CCQ2012K			6.7	6.0	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	2120120115	LÊ PHẠM NHƯ	HUYỀN	27/11/2002	CCQ2012D			8.4	8.5	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN

Học kỳ 2 - Năm học:

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 08

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 Tổ: 001

Ngày thi: 27/06/2022 Giờ: 07:30

Phòng thi: D6-36

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. TH 60%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120120116	NGUYỄN THỊ HUONG	11/05/2002	CCQ2012D				7.6	4.0	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120120364	NGUYỄN THỊ XUÂN	05/08/2002	CCQ2012K				6.8	6.0	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2119120329	LÊ VĂN KHÁNH	24/12/2000	CCQ1912J				7.4	8.5	8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2119120292	NGUYỄN TRUONG HOÀI	22/09/2001	CCQ1912I				7.5	8.0	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120120594	HUỖNH THỊ THÚY	17/06/2002	CCQ2012Q				8.2	9.0	8.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120200043	PHÙNG THỊ KIỀU	18/05/2002	CCQ2020B				7.7	2.0	4.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120200011	DƯƠNG HOÀI LONG	21/03/2000	CCQ2020A				7.9	6.0	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120120369	NGUYỄN THỊ HỒNG	14/10/2001	CCQ2012K				6.8	7.0	6.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2120200281	NGUYỄN BÁ LỘC	12/06/2002	CCQ2020A				7.5	4.0	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2120120016	LÊ THỊ NGỌC LÝ	10/01/2002	CCQ2012A				7.6	8.5	8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2120120123	PHẠM THỊ THANH MAI	21/11/2002	CCQ2012D				8.4	9.0	8.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2120120595	PHẠM HUỖNH MY	05/01/2002	CCQ2012Q				8.1	2.5	4.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2120120124	VŨ THỊ THẢO NGÂN	05/02/2002	CCQ2012D				7.6	4.5	5.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	2120120222	MAI KIM NHÂN	17/08/2001	CCQ2012G				7.5	4.0	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	2120120020	ĐẶNG THỊ KIM NHI	09/11/2002	CCQ2012A				7.2	8.5	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	2120120129	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	20/12/2002	CCQ2012D				8.4	7.0	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	2120200050	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	16/02/2002	CCQ2020B				7.7	8.0	7.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	2120120621	PHẠM THỊ NGỌC NHƯ	27/09/2002	CCQ2012R				7.6	7.5	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN D
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 04
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2
Ngày thi: 27/06/2022
Phòng thi: D6-33

Tổ: 001
Giờ: 07:30

C. Quýển

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Ph	Số tư Mã đ	Chữ ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120663	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	16/02/2002	CCQ2012H		1	Ảnh	7.8	8.0	7.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	2120120245	NGUYỄN THỊ KIM CƯƠNG	02/09/2002	CCQ2012H		1	Cương	6.0	5.5	5.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	2120120494	LÊ ĐÌNH ĐẠT	11/07/2002	CCQ2012O		1	Đạt	6.4	6.5	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	2120120110	VÕ THÀNH ĐẠT	26/05/2002	CCQ2012D		1	Đạt	8.0	9.0	8.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	2120120183	TRẦN NHẬT DOAN	12/01/2002	CCQ2012F		1	Doan	6.6	9.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	2120120392	TRẦN THỰC DOAN	19/08/2002	CCQ2012L		1	Thực Doan	7.9	6.5	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	2120200038	PHẠM THỊ HÀ	04/06/2002	CCQ2020B		1	Hà	6.7	2.0	3.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	2120120591	LÊ THỊ PHƯƠNG HANG	12/03/2002	CCQ2012Q		1	Hang	5.1	7.5	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	2120120249	LÊ THUY HANG	28/04/2002	CCQ2012H		1	Thuy Hang	7.1	7.0	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	2120120423	NGUYỄN THỊ HANG	08/07/2002	CCQ2012M		1	Hang	6.9	4.5	5.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	2120200007	TRẦN THỊ BÍCH HÒA	29/06/2002	CCQ2020A		1	Hòa	5.0	8.0	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	2120120400	NGUYỄN THỊ MINH HÒI	07/05/2002	CCQ2012L		1	Hoi	6.8	6.0	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	2120200040	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	28/09/2002	CCQ2020B		1	Huong	7.9	7.0	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	2120120157	NGUYỄN DUY KHA	21/06/2001	CCQ2012E		1	Kha	4.7			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	2120120365	LÂM KIM TÂN KHOA	05/07/2002	CCQ2012K		1	Khoa	7.9	6.0	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	2120120253	NGUYỄN THỊ NHƯ LAN	18/07/2002	CCQ2012H		1	lan	7.2	5.5	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	2120120217	NGUYỄN THỊ LÊ	06/02/2002	CCQ2012G		1	le	6.5	5.5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	2120120254	LA THỊ DƯƠNG LIÊN	02/02/2002	CCQ2012H		1	liên	7.1	6.0	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	2120120255	NGUYỄN THỊ LIÊN	30/04/2002	CCQ2012H		1	liên	6.7	9.0	8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	2119120496	PHẠM THỊ NGỌC LIÊN	30/04/2001	CCQ1912N		1	liên	6.7	4.0	5.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 04

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 TỐT: 001

Ngày thi: 27/06/2022 Giờ: 07:30

Phòng thi: D6-33

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tổ đảm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đảm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120120256	HỒNG THỊ MỸ	02/02/2002	CCQ2012H		1	linh	7.6	9.0	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	2120120219	HUYỀN PHƯƠNG HOÀI	20/08/2001	CCQ2012G		1	linh	6.6	4.0	5.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	2120120257	LÊ THỊ MỸ	08/10/2002	CCQ2012H		1	linh	5.2	5.0	5.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	2120120405	PHẠM THỊ MỸ	12/11/2001	CCQ2012L		1	linh	7.9	8.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	2120120370	LÊ THỊ THÚY	20/01/2001	CCQ2012K		1	linh	6.0	6.0	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	2120120665	LÊ VĂN	15/07/2002	CCQ2012H		1	linh	7.0	6.0	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	2120120221	LÊ HÀ	05/10/2002	CCQ2012G		1	linh	6.7	8.0	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	2120120049	NGUYỄN THỊ DIỄM	16/12/2002	CCQ2012B		1	linh	8.7	8.0	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	2120120259	PHẠM THỊ MỸ	10/11/2001	CCQ2012H		1	linh	7.2	5.0	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	2120200013	NGUYỄN THÀNH	08/06/2001	CCQ2020A		1	linh	8.6	9.0	8.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	2120200014	NGUYỄN TIẾN	22/02/2000	CCQ2020A		1	linh	6.6	5.5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	2120120052	VŨ THỊ THANH	03/04/2002	CCQ2012B		1	linh	8.4	5.5	6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
33	2120120053	NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG	02/01/2002	CCQ2012B		1	linh	6.8	6.5	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	2120120128	ĐẶNG THỊ YẾN	08/10/2002	CCQ2012D		1	linh	6.1	6.5	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	2120120224	HỒ THỊ YẾN	20/04/2002	CCQ2012G		1	linh	6.6	7.5	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	2120120223	PHẠM THỊ TUYẾT	26/01/2002	CCQ2012G		1	linh	6.7	8.5	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 04

Đợt thi: HK2, Đợt 2

Ngày thi: 27/06/2022

Phòng thi: D6-35

C. Quynh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. PH	Số tư Mã đề	Chức ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tổ đảm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đảm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120127	TÔ THỊ TUYẾT	15/09/2002	CCQ2012D		1	<i>Ch</i>	7.1	8.0	7.6	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
2	2120200015	ĐÀNG HỒNG	01/07/2002	CCQ2020A		1	<i>Như</i>	7.9	3.0	5.0	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
3	2120120225	CHÂU NGỌC QUỲNH	01/09/2002	CCQ2012G		1	<i>Như</i>	4.7	2.0	3.1	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
4	2120120262	LÂM KHÁ	24/09/2002	CCQ2012H		1	<i>Ch</i>	7.0	3.0	4.6	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
5	2120120226	NGUYỄN THỊ GẤM	02/02/2002	CCQ2012G		1	<i>Ch</i>	7.6	8.0	7.8	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
6	2120120264	HIỆNH TUYẾT	29/11/2002	CCQ2012H		1	<i>Canh</i>	7.5	8.0	7.8	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
7	2120200052	NGUYỄN THỊ HÀ	09/02/2002	CCQ2020B		1	<i>Ch</i>	8.6	5.5	6.7	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
8	2120120666	NGUYỄN VĂN	25/02/2002	CCQ2012H		1	<i>Quynh</i>	5.5	2.5	3.7	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
9	2120120136	TRẦN MINH	24/09/2002	CCQ2012D		1	<i>Ch</i>	8.6	8.0	8.2	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
10	2120120230	NGUYỄN HOÀNG	01/01/2002	CCQ2012G		1	<i>Ch</i>	6.8	4.3	5.3	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
11	2120120090	LÊ THỊ TUYẾT	09/03/2002	CCQ2012C		1	<i>Ch</i>	7.6	9.0	8.4	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
12	2120120061	NGUYỄN THỊ HỒNG	14/12/2002	CCQ2012B		1	<i>Ch</i>	7.0	6.0	6.4	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
13	2120120268	TRẦN THỊ THU	16/10/2002	CCQ2012H		1	<i>Suon</i>	7.2	3.5	5.0	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
14	2120120209	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	09/09/2002	CCQ2012H		1	<i>Thanh</i>	6.9	6.0	6.4	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
15	2120200284	LƯU THỊ THU	19/12/2002	CCQ2020B		1	<i>Ch</i>	9.2	8.5	8.8	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
16	2120120063	PHAM THANH	23/03/2002	CCQ2020A		1	<i>Ch</i>	7.5	8.0	7.8	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
17	2120120271	NGUYỄN THỊ	25/06/2002	CCQ2012H		1	<i>Thiet</i>	7.2	4.0	5.3	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
18	2120120234	MAI THỊ THANH	09/09/2002	CCQ2012G		1	<i>Quynh</i>	6.5	4.0	5.0	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
19	2120200027	NGUYỄN NHẬT	25/06/2002	CCQ2020A		1	<i>Ch</i>	6.9	2.5	4.3	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
20	2120120375	VÕ THỊ THU	20/07/2001	CCQ2012K		1	<i>Ch</i>	7.0	3.0	4.6	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số từ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120120415	HỒ THỊ THANH	THƯƠNG	20/08/2002	CCQ2012L	1	OT	7.2	5.0	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120200058	VÕ THỊ HOÀI	THƯƠNG	02/11/2001	CCQ2020B	1	Thu	7.2	7.5	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120120273	TRƯƠNG THỊ THUY	TIỀN	27/06/2002	CCQ2012H	1	Tu	6.7	4.5	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120120483	HUYỀN NGUYỄN NGUYỄN	TÌNH	20/04/2002	CCQ2012N	1	tu	7.2	6.5	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120200028	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	13/03/2002	CCQ2020A	1	tu	7.0	4.5	5.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120200060	NGUYỄN THỊ THANH	TRÂM	04/02/2002	CCQ2020B	1	tu	5.8	3.5	4.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120200032	ĐOÀN MINH	TRÍ	25/12/2000	CCQ2020A	1	tu	7.1	4.0	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120120239	NGUYỄN ĐỨC MINH	TRIỆU	25/07/2000	CCQ2012G	1	tu	8.2	5.0	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2120120576	TRẦN MINH	TRIỆU	04/02/2002	CCQ2012O	1	tu	7.0	1.0	3.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2120120203	TRẦN NGỌC MỸ	TRÌNH	29/04/2002	CCQ2012F	1	tu	7.0	8.0	7.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2120120240	NGUYỄN THỊ	TRÚC	20/09/2002	CCQ2012G	1	tu	7.0	3.0	4.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2120120241	TRẦN THANH	TÚ	16/07/2002	CCQ2012G	1	tu	7.2	9.0	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2120120242	NGÔ HOÀNG TÚ	UYÊN	11/03/2002	CCQ2012G	1	tu	7.1	4.3	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	2120120243	LƯƠNG HUỖN	VI	16/06/2001	CCQ2012G	1	tu	6.7	8.5	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	2120120314	PHẠM THỊ PHI	YẾN	21/02/2002	CCQ2012I	1	tu	8.6	7.3	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)